TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 9 - 2017
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm: Ông Võ Thanh Liêm

Ông Ngô Hoàng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 25/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 515/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2017 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 604/2017/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2017 giữa các đương sự.

*1/ Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị H** – sinh năm 1970 (có mặt)*

Chỗ ở: Số nhà 26, khu đô thị H, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau

*2/ Bị đơn: Anh **Nguyễn Việt N** - sinh năm 1973 (vắng mặt)*

Chỗ ở: Số nhà 26, khu đô thị H, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Chị Đoàn Thị H trình bày như sau:*

Về hôn nhân: Chị và anh N kết hôn với nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống với hạnh phúc nhưng đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hiện anh chị không còn chung sống với nhau nữa, nay thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Nhật H1 (nam) – sinh ngày 21/11/2010 hiện con đang sống với chị H, chị H yêu cầu được nuôi dạy con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh N tự nguyện chung sống với nhau năm 2000, theo chị H xác định có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6,

thành phố C như do đã thất lạc nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên theo văn bản xác nhận ngày 30/6/2017 của Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố C thì hiện tại Ủy ban nhân dân phường 6 không có lưu trữ hồ sơ đăng ký kết hôn giữa chị H với anh N. Như vậy ngoài lời trình bày của chị H cho rằng có đăng ký kết hôn thì chị không còn tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để kết luận chị H với anh N có đăng ký kết hôn năm 2000 tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố C. Do chị H với anh N chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình và Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, nên quan hệ giữa chị H với anh N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Nhật H1 (nam) – sinh ngày 21/11/2010 hiện con đang sống với chị H. Xét thấy: Cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc nuôi dạy con chưa thành niên sau khi ly hôn, tuy nhiên từ khi chị H và anh N không còn chung sống với nhau thì chị H là người trực tiếp nuôi dạy con. Để không làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tinh thần của cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao Nguyễn Nhật H1 cho chị Hiền tiếp tục nuôi dạy.

Do chị H không đặt ra yêu cầu buộc anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy anh N không trực tiếp nuôi dạy các con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị H xác định không có nên không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân gia đình chị H phải nộp theo quy định.

[7] Về thủ tục tố tụng: Anh N vắng mặt, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với anh N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Việt N.

Áp dụng các Điều 9, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Đoàn Thị H với anh Nguyễn Việt N là vợ chồng.

Về con chung: Giao con tên Nguyễn Nhật H1 (nam) – sinh ngày 21/11/2010 hiện đang sống với chị H cho chị H tiếp tục nuôi dạy. Anh N không cấp dưỡng nuôi con, nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không xem xét.

Về nợ chung: Không xem xét.

2. Án phí về hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đoàn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ngày 30/6/2017 chị H đã dự nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C theo biên lai thu tiền số 3344 nên được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm, chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

"Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tp.C;
- Chi cục THADS tp.C;
- Các đương sự;
- HSVA;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Phạm Việt Trung